

Số: 163/BC-SNV

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2018,

Sở Nội vụ báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 tại cơ quan, cụ thể như sau:

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình, đề án về CCHC của tỉnh

1.1. Về kế hoạch thanh tra, kiểm tra

Thực hiện theo Quyết định số 291/QĐ-SNV ngày 04/12/2017 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2018 của Sở Nội vụ. Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ đã tiến hành thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, kết quả đạt 100% , cụ thể như sau:

a. Thanh tra: 08 đơn vị

- Phòng Nội vụ huyện Châu Thành;
- Phòng Nội vụ huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng Nội vụ huyện Thạnh Trị;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Kế Sách;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Phú;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Tú;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Sóc Trăng;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Vĩnh Châu.

b. Kiểm tra: 09 đơn vị

- Văn phòng Sở Nội vụ;
- UBND xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Long Phú;
- UBND xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

- Hội Chữ thập đỏ tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trần Đề;
- Phòng Nội vụ huyện Long Phú;

2. Tình hình tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC

*** Kết quả thanh tra, kiểm tra**

Trong năm 2018, Sở Nội vụ đã phối hợp với các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ tiến hành 02 cuộc thanh tra và 08 cuộc kiểm tra, gồm các đơn vị như sau:

*** Thanh tra công tác Nội vụ 02 đơn vị:**

- Phòng Nội vụ huyện Mỹ Xuyên;
- Phòng Nội vụ huyện Thạnh Trị.

*** Kiểm tra công tác Nội vụ 04 đơn vị:**

- UBND xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề;
- UBND xã Tân Hưng, huyện Long Phú;
- UBND xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm;
- UBND xã An Thạnh 3, huyện Cù Lao Dung.

*** Kiểm tra công tác Văn thư - Lưu trữ 02 đơn vị:**

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- Hội Chữ thập đỏ tỉnh Sóc Trăng.

*** Kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra 02 đơn vị:**

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Trần Đề;
- Phòng Nội vụ huyện Long Phú.

3. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC triển khai tại đơn vị

3.1. Kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện cải cách hành chính năm 2018, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-SNV ngày 08/01/2018 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 tại Sở Nội vụ, trong đó xác định rõ 06 nhiệm vụ chung, 20 nhiệm vụ cụ thể, tương đương với 30 phần việc liên quan đến công tác cải cách hành chính.

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ đã triển khai thực hiện được 29/30 phần việc theo kế hoạch, đạt tỷ lệ 96,66%. Riêng 01 phần việc còn lại chưa đến thời gian thực hiện, ước đạt tỷ lệ 100% kế hoạch đề ra.

(Đính kèm danh mục)

3.2. Tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Công tác chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính luôn được Lãnh đạo Sở quan tâm và chỉ đạo có hiệu quả, toàn diện. Giám đốc Sở là người phụ trách công tác cải cách hành chính, Chánh Văn phòng là người tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc Sở trong thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan.

3.3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-SNV ngày 01/02/2018 về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2018 tại cơ quan, theo đó sẽ tiến hành kiểm tra 05/08 phòng, ban, Chi cục thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ.

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ đã tiến hành kiểm tra 05 đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, đạt tỷ lệ 100% kế hoạch đề ra.

3.4. Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính

Đã ban hành Kế hoạch số 18/KH-SNV ngày 28/02/2018 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018 tại cơ quan, theo đó có 10 nội dung tuyên truyền được xây dựng thực hiện trong năm 2018. Tính đến thời điểm báo cáo, đơn vị đã triển khai thực hiện 07/08 phần việc theo kế hoạch, đạt tỷ lệ 87,5%. Riêng 01 phần việc còn lại chưa đến thời gian thực hiện, ước đạt tỷ lệ 100% kế hoạch đề ra.

II. Kết quả chủ yếu đạt được

1. Đối với báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh

1.1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC đối với lĩnh vực xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên

a. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại công văn số 335/UBND-TH ngày 06/3/2018 về việc soạn thảo văn bản trình hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa năm 2018.

Sở Nội vụ đã thực hiện các quy trình theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Tính đến thời điểm báo cáo Sở Nội vụ đã tham mưu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật (01 Nghị quyết; 01 Quyết định) cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 về Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2009/NQ-HĐND ngày 10/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thông qua Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghi việc đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 về Bãi bỏ Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về ban hành Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghi việc đối với cán bộ, công chức, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện quá trình xây dựng Nghị quyết quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường, thị trấn và ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện công văn số 1596/UBND-TH ngày 24/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc xây dựng Nghị quyết quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Sở Nội vụ đã lập dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và thực hiện theo thủ tục, trình tự theo quy định: lấy ý kiến của các Bộ, Sở, ngành và các tổ chức các nhân có liên quan; tiếp thu, giải trình, tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh hồ sơ gửi sở Tư pháp thẩm định, trình thông qua cuộc họp UBND tỉnh,...Hiện nay, Sở Nội vụ đang lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và dự kiến sẽ ban hành trong tháng 12/2018.

Báo cáo Bộ Nội vụ: Sơ kết 03 năm thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương; tình hình thực hiện thông tư 09/2017/TT-BNV ngày 19/12/2017 của Bộ Nội vụ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và góp ý một số dự thảo Nghị định, Thông tư liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của phòng như: Thông tư về bộ chỉ tiêu thống kê và thanh niên Việt nam, Thông tư điều chỉnh lương hưu đối với cán bộ xã nghỉ việc theo các Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng,...

b. Công tác cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng Đề án tổng thể về đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Sóc Trăng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW và đã được Tỉnh ủy phê duyệt tại Đề án 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018. Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ đã ban hành Đề án số 01/ĐA-SNV ngày 01/10/2018 về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Nội vụ theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng.

c. Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Hiện nay, toàn tỉnh có 2.348 cán bộ, công chức cấp xã (cán bộ 1.152 người, công chức 1.196 người) Có 1.010/1.152 cán bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định của Quyết định số 04/2004/QĐ-UBND ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ, đạt tỷ lệ 87,67% và 1.178/1.196 công chức cấp xã đạt chuẩn 98,49% theo quy định Thông tư số 06/2012/BNV ngày 30/10/2012 của Bộ nội vụ.

(Đính kèm phụ lục chi tiết)

1.2. Kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau thanh tra

Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các sai phạm chủ yếu như việc quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức chưa đúng quy định, quy trình xử lý kỷ luật chưa chặt chẽ; một số đơn vị chưa thành lập hội đồng xét duyệt sáng kiến và chưa ban hành quy chế hoạt động,....

Đoàn thanh tra kiến nghị các đơn vị chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót, làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, các nhân nhằm giúp cho tổ chức, các nhân thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

Hiện tại, các đơn vị được kiểm tra, thanh tra đã có báo cáo khắc phục các nội dung còn thiếu sót theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra mà các Đoàn thanh tra, kiểm tra kết luận.

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại Sở Nội vụ

ST T	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Nguyễn Văn Sắc	Giám đốc	nvsac@soctrang.gov.vn
2	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Nguyễn Thị Nhi	Chánh Văn phòng	ntnhi@soctrang.gov.vn
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Trần Quốc Thống	Chuyên viên	tqthong2@soctrang.gov.vn
4	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Nguyễn Thị Kim Trúc	Chuyên viên	ntktruc@soctrang.gov.vn

3. Kết quả nổi bật đạt được trong triển khai 06 nhiệm vụ cải cách hành chính và các nhiệm vụ khác

3. 1. Cải cách thể chế hành chính

- Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Tính đến thời điểm báo cáo Sở Nội vụ đã tham mưu và được Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 06 văn bản quy phạm pháp luật (01 Nghị quyết và 05 Quyết định), cụ thể như sau:

+ Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý lý, tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn Sóc Trăng.

+ Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

+ Quyết định 11/2018/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 về bãi bỏ điểm d Khoản 1 Điều 10 Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

+ Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 về Bãi bỏ Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 về việc ban hành đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghỉ việc đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

+ Quyết định 18/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghỉ việc đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn

+ Quyết định 27/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về ban hành quy định về công tác thi đua-khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

(Đính kèm biểu mẫu 2b)

Đối với 04 văn bản quy phạm pháp luật đã đăng ký, Sở Nội vụ đang lấy ý kiến các cơ quan có liên quan dự kiến sẽ tham mưu, ban hành trong tháng 12 năm 2018 theo quy định.

Căn cứ Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2018. Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-SNV ngày 03/01/2018 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ trong năm 2018. Trong đó xác định 03 phần việc cần thực hiện trong năm, qua đó kịp thời phát hiện các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực không còn phù hợp với quy định của văn bản cấp trên hoặc tình hình kinh tế - xã hội nhằm kịp thời bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Tính đến thời điểm báo cáo, nội dung phân việc cơ bản hoàn thành 3/3 phần việc đạt tỷ lệ 100%, ước đạt tỷ lệ 100% kế hoạch đề ra.

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được Lãnh đạo Sở Nội vụ quan tâm chỉ đạo các đơn vị, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện; đảm bảo tuân thủ chặt chẽ quy trình xây dựng, ban hành văn bản; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính khả thi cao khi ban hành văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ và Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2018. Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-SNV ngày 26/01/2018 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 tại Sở Nội vụ, trong đó xác định 06 phần việc cần thực hiện, qua đó chưa phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế trong việc thi hành pháp luật.

Công tác kiểm tra, giám sát quá trình tham mưu, soạn thảo ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, được xem là một trong những phần việc của công tác pháp chế tại cơ quan, trong việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật như: đăng ký danh mục văn bản, thẩm định cơ sở pháp lý, thể thức, triển khai và theo dõi tình hình áp dụng tại cơ quan.

Bên cạnh đó, công tác triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, địa phương thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ được Sở Nội vụ tiến hành kịp thời thông qua việc đăng tải các nội dung trên Trang thông tin điện tử, thông qua Văn phòng điện tử, triển khai bằng văn bản giấy đến các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở, lồng ghép vào các cuộc họp, cũng như thông qua tủ sách pháp luật tại cơ quan.

3.2. Cải cách thủ tục hành chính

Căn cứ Kế hoạch số 134/KH-UBND của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-SNV ngày 03/01/2018 về công tác kiểm soát TTHC tại cơ quan. Sở Nội vụ đã tiến hành rà soát, đánh giá 94 thủ tục hành chính (trong đó: 84 TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ; 10 TTHC thuộc phạm vi quản lý của Thanh Tra tỉnh) như đã đăng ký và báo cáo kết quả thực hiện đúng thời gian theo quy định, đạt 100% kế hoạch đề ra.

(Đính kèm biểu mẫu 3B)

Tiếp tục theo dõi kết quả thực hiện Kế hoạch số 24/KH-SNV ngày 21/10/2015 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

Bên cạnh đó, tiếp tục theo dõi công tác phối hợp trong giải quyết TTHC giữa Sở Nội vụ và Văn phòng UBND tỉnh đã ký kết tại Quyết định liên ngành số 01/QĐLN-SNV-VP.UBNDT ngày 08/8/2017.

Công tác niêm yết TTHC được Sở Nội vụ duy trì thực hiện đầy đủ và đúng quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp. Trên cơ sở 84 TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh công bố thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ và 10 TTHC thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh. Sở Nội vụ đã tiến hành niêm yết công khai 84 TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ trên các lĩnh vực: chính quyền địa phương: 01 thủ tục; công chức, viên chức: 10 thủ tục; công tác thanh niên: 03 thủ tục; tổ chức biên chế: 06 thủ tục; thi đua khen thưởng: 09 thủ tục; tôn giáo: 35 thủ tục; tổ chức phi chính phủ: 17 thủ tục; văn thư – lưu trữ: 03 thủ tục và thanh tra: 10 thủ tục, tại

trụ sở cơ quan, trên Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ tại địa chỉ <https://www.sonoivu.soctrang.gov.vn> mục quy trình thủ tục và trên Trang thông tin một cửa điện tử: <https://www.motcua.sonoivu.soctrang.gov.vn>, đạt 100% thủ tục được niêm yết công khai theo quy định trên tổng số TTHC được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định.

(Đính kèm biểu mẫu 4B, 5B)

Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC của cá nhân, tổ chức trong kỳ báo cáo là 304 hồ sơ, trong đó số hồ sơ mới tiếp nhận 304 hồ sơ, số hồ sơ kỳ trước chuyển qua 00 hồ sơ. Trong đó:

Kết quả giải quyết TTHC:

- Số hồ sơ đã giải quyết: 301 hồ sơ, trong đó:
 - + Trả trước hạn: 287 hồ sơ, đạt tỷ lệ 95,35%;
 - + Đúng hạn: 01 hồ sơ đạt tỷ lệ 0,33%;
 - + Trễ hạn: 13 hồ sơ, đạt tỷ lệ 4,31 %;
- Số hồ sơ đang giải quyết: 03 hồ sơ, trong đó:
 - + Chưa đến hạn: 03 hồ sơ.

Nguyên nhân trễ hạn là do công chức chuyên môn không xử lý kịp thời trên phần mềm một cửa (thực tế hồ sơ đã trả đúng thời hạn và trước hạn).

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ chưa ghi nhận các trường hợp phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Bên cạnh đó, Sở Nội vụ luôn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công chức, viên chức trong thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan; thực hiện việc nhắc nhở và có hướng xử lý nghiêm đối với các trường hợp yêu cầu bổ sung thêm thành phần hồ sơ so với quy định, những nhiễu gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc giải quyết hồ sơ quá hạn mà không có lý do chính đáng.

3.3. Cải cách tổ chức bộ máy

Nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) trong việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ (trước đây việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ theo quy định tại điểm đ Khoản 11 Điều 2 Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ). Chính vì vậy, Sở Nội vụ đã tiến hành đăng ký xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ chưa nhận được ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh về nội dung này.

Tình hình phân cấp quản lý thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Sở Nội vụ luôn đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. Đồng thời, đã tiến hành lồng ghép nội dung Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào quy chế làm việc của cơ quan theo quy định tại Quyết định số 15/QĐ-SNV ngày 02/02/2018 và Quyết định số 49/QĐ-SNV ngày 15/3/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ.

Công tác phối hợp giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở và giữa các cơ quan hữu quan được Sở Nội vụ quan tâm thực hiện; các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở đã đã linh hoạt trong việc xử lý các vấn đề, quy định rõ các công việc giữa các đơn vị với nhau, hướng đến hoàn thành nhiệm vụ chung của Sở, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

(Đính kèm biểu mẫu 6B)

3.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

Tiếp tục theo dõi Đề án vị trí việc làm gắn với cơ cấu chức danh của từng công chức, viên chức và người lao động cơ quan theo quy định của pháp luật, kịp thời điều chỉnh, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, cũng như đảm bảo vị trí việc làm.

Đồng thời, tiếp tục triển khai, quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 22/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2015 của Chính phủ nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức, viên chức về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tinh giản biên chế. Theo Kế hoạch, đến năm 2021 sẽ tiến hành tinh giản biên chế đối với 08 trường hợp công chức, viên chức, trong đó năm 2018 đã thực hiện tinh giản biên chế 01 trường hợp theo quy định, đạt 100% kế hoạch.

Tình hình tuyển dụng, điều động, bổ nhiệm, phân công, bố trí, sử dụng và quản lý công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và theo nguyên tắc cạnh tranh, đã tiến hành xem xét, bố trí phân công đối với 07 công chức trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức năm 2017 theo đúng vị trí việc làm và điều động 03 công chức từ cấp huyện lên; bổ nhiệm mới 03 trường hợp.

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng năm 2018, Sở Nội vụ đã xây dựng Kế hoạch số 27/KH-SNV ngày 24/4/2018 về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2018, trong đó xây dựng 13 nội dung đào tạo, bồi dưỡng, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực quản lý điều hành và kỹ năng thực thi nhiệm vụ nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức Sở vững mạnh, từng bước phát triển theo hướng chiều sâu, chuyên nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức và vị trí việc làm. Tính đến thời điểm báo cáo Sở nội vụ đã cử 01 công chức học sau đại học

và 57 công chức, viên chức Sở Nội vụ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu theo quy định. Các công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cơ bản hoàn thành các khóa đào tạo bồi dưỡng, đạt 100% kế hoạch đề ra.

Công tác thi đua, khen thưởng được Sở Nội vụ quan tâm thực hiện, trên cơ sở Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-SNV ngày 26/01/2018 về phát động phong trào thi đua năm 2018, trong đó đề ra 09 nội dung thi đua cần thực hiện trong năm 2018, gắn công tác thi đua, khen thưởng với công tác cải cách hành chính.

Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được Sở Nội vụ quan tâm thực hiện. Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-SNV ngày 22/02/2018 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ năm 2018. Trong đó có 04 trường hợp thuộc danh mục các vị trí công tác định kỳ phải chuyển đổi thuộc Sở Nội vụ. Riêng trong năm 2018, Sở Nội vụ sẽ thực hiện việc chuyển đổi 02 trường hợp đảm nhận vị trí công tác định kỳ phải chuyển đổi theo quy định. Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ đã thực hiện việc chuyển đổi 02 trường hợp theo Kế hoạch đạt 100% .

Toàn thể công chức, viên chức và nhân viên của Sở tiếp tục nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Chỉ thị số 10/CT-UBND và Chỉ thị số 26/CT-TTg, trong thực thi nhiệm vụ, công vụ phải tuân thủ tính thứ bậc, kỷ cương và trật tự hành chính đúng thẩm quyền; đeo thẻ công chức, viên chức, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ; thực hiện tốt nội quy, quy chế cơ quan, sử dụng hiệu quả thời giờ làm việc, không đi trễ, về sớm, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy tắc ứng xử trong công việc, trong ứng xử đối với cá nhân, tổ chức được đề cao, tuyệt đối không sử dụng rượu, bia trong giờ làm việc. Đồng thời, phát huy mạnh mẽ vai trò hoạt động của Ban thanh tra nhân dân trong việc theo dõi, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương.

Song song với việc lồng ghép nội dung Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp vào Quy chế làm việc cơ quan theo quy định. Sở Nội vụ đã thực hiện công tác tuyên truyền nội dung Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ lồng ghép vào công tác họp, hội nghị triển khai đến toàn thể công chức, viên chức nắm được nội dung tinh thần Chỉ thị. Đồng thời ban hành Kế hoạch số 28/KH-SNV ngày 24/11/2016 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại Sở Nội vụ, với mục đích tạo nên sự chuyên biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và trao đổi phẩm chất đạo đức của công chức, viên chức và người lao động trong toàn cơ quan; xây dựng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt, đủ năng lực, phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng phục vụ, uy tín và củng cố niềm tin đối với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp nhằm xây dựng một Sở Nội vụ hành động, liêm chính và phát triển; lấy phục vụ cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng nhất.

3.5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục duy trì thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ tại cơ quan. Sở Nội vụ ban hành quyết định số 14/QĐ-SNV ngày 02/02/2018 quy chế chi tiêu nội bộ quản lý, sử dụng tài sản công năm 2018, tiếp tục thực hiện định mức hệ số chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức và người lao động theo vị trí việc làm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ; công bố, công khai dự toán ngân sách năm 2018 theo quy định. Đồng thời hàng quý Sở Nội vụ dành một khoản kinh phí là 50.000.000 đồng tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động cơ quan.

Duy trì thực hiện ứng dụng phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán MISA, phần mềm khai báo bảo hiểm xã hội trong quản lý ngân sách, tài sản cơ quan, đảm bảo đầy đủ, thuận tiện cho việc tra cứu, mang lại hiệu quả cao.

Đồng thời, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó Trung tâm lưu trữ lịch sử và Chi cục Văn thư – Lưu trữ đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy định mức chi thu nhập tăng thêm theo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công tại Chi cục Văn thư - Lưu trữ và Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh như sau:

+ Phần mềm quản lý tài sản (plts.net): Đơn vị đã đăng ký sử dụng thường xuyên, hiệu quả mang lại là cập nhật tăng, giảm tài sản, tính khấu hao tài sản hàng năm tiện lợi, nhanh chóng, chính xác, đúng quy định hiện hành.

+ Phần mềm kê khai bảo hiểm xã hội qua mạng: Giúp tiết kiệm được thời gian, văn phòng phẩm, chi phí đi lại, thông tin kịp thời, có hiệu quả.

+ Đơn vị không sử dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp do khối lượng nghiệp vụ liên quan đến công tác kế toán không nhiều.

Tất cả các khoản thu, chi trong phạm vi tổng dự toán được UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo thực hiện chế độ thu, chi theo quy định của pháp luật; chấp hành các thủ tục chi tiêu ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tất cả các khoản thu của đơn vị đều lập thủ tục nộp vào ngân sách nhà nước, lập dự toán chi và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán cho phép sử dụng; thực hiện báo cáo công khai tài chính theo quy định.

3.6. Hiện đại hóa nền hành

3.6.1. Tình hình ứng dụng CNTT trong hoạt động

Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-SNV ngày 05/02/2018 về việc ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018, trong đó xác định 05 nhiệm vụ cần thực hiện trong năm 2018 về công nghệ thông tin.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan luôn được lãnh đạo Sở quan tâm, mỗi công chức, viên chức đều được trang bị máy vi tính, có phần mềm quản lý văn bản nên việc trao đổi công việc giữa các phòng, ban, chi cục thuộc và trực thuộc Sở và các sở, ngành được đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản do Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp. Đội ngũ công chức, viên chức Sở từng bước tăng cường sử dụng hộp thư điện tử và văn bản điện tử trong xử lý công việc, trong đó duy trì sử dụng 56 hộp thư cá nhân, 01 hộp thư của Sở và 08 hộp thư của các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. Tính đến thời điểm báo cáo, có trên 60% công chức, viên chức sử dụng thư điện tử của tỉnh trong trao đổi công việc. Trong năm 2018, Sở Nội vụ đã áp dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành trong xử lý công việc và áp dụng ứng dụng chữ ký số trong phát hành văn bản từ đó đã rút ngắn thời gian và tiết kiệm chi phí cho cơ quan.

Sở Nội vụ tiếp tục duy trì theo dõi việc tổ chức thực hiện Quyết định số 116/QĐ-SNV ngày 21/6/2017 của Giám đốc Sở Nội vụ về ban hành quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 119/QĐ-SNV ngày 23/6/2017 ban hành Quy chế quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Sóc Trăng có bố trí một biên chế phụ trách CNTT, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được tham gia đào tạo, bồi dưỡng CNTT theo quy định. Bên cạnh đó, Sở Nội vụ còn ban hành Quyết định số 20/QĐ-SNV ngày 21/02/2018 về Quy định trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong hoạt động của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

Đồng thời tiếp tục theo dõi việc cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3 đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, phạm vi quản lý của Sở Nội vụ. Theo dõi, cập nhật Trang thông tin một cửa điện tử Sở Nội vụ tại địa chỉ: motcua.sonoivu.soctrang.gov.vn; duy trì, theo dõi việc đăng tin bài trên Trang thông tin điện tử: www.sonoivu.soctrang.gov.vn.

Ngoài việc duy trì áp dụng phần mềm lotus note trong việc quản lý văn bản (phục vụ tra cứu các văn bản từ ngày 01/01/2018 trở về trước); phần mềm kế toán MISA, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm khai báo bảo hiểm xã hội qua mạng... đồng thời duy trì sử dụng mạng nội bộ (LAN) trong trao đổi công việc giữa các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. Trong quý, Sở Nội vụ cũng đã đưa vào sử dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản điều hành do VNPT cung cấp, ban hành Quyết định Quy định trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trong hoạt động của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng, góp phần tiết kiệm chi phí thường xuyên gửi, nhận, xử lý và lưu trữ các văn bản, tài liệu dạng bản giấy trong hoạt động của Sở Nội vụ, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh cải cách hành chính.

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 đối với 84 TTHC và mức độ 3 đối với 10 TTHC trong tổng số 84 TTHC thuộc 02 nhóm lĩnh vực (TĐKT: 9 TTHC; VTLT: 02 TTHC).

Duy trì theo dõi, cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ; duy trì đăng tin bài, các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, địa phương cũng như cập nhật các tin tức, sự kiện kịp thời.

3.6.2. Áp dụng ISO trong hoạt động

Tính đến thời điểm báo cáo, Sở Nội vụ cơ bản thực hiện việc chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN 9001:2015. Trong đó đã xây dựng mới Chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, 06 quy trình cơ bản và 94 quy trình TTHC (84 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ trên 08 lĩnh vực: công chức, viên chức; tổ chức biên chế; tổ chức phi chính phủ; chính quyền địa phương; công tác thanh niên; thi đua khen thưởng; tôn giáo và văn thư lưu trữ và 10 TTHC của lĩnh vực thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh), áp dụng đối với các cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch hành chính với Sở Nội vụ.

Hoạt động đánh giá nội bộ được Sở Nội vụ quan tâm thực hiện. Trong 06 sáu tháng đầu năm 2018, Sở Nội vụ đã thực hiện công tác đánh giá nội bộ theo kế hoạch và đang thực hiện việc đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 , dự kiến việc đánh giá là vào cuối tháng 11/2018, đạt 100% theo kế hoạch đề ra.

Việc kiện toàn Ban chỉ đạo ISO được Lãnh đạo Sở Nội vụ quan tâm thực hiện .Năm 2018, Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 146/QĐ-SNV ngày 04/6/2018 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO tại cơ quan gồm có 11 thành viên.

3.7. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-SNV về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Sở Nội vụ do Chánh Văn phòng làm Trưởng Bộ phận, Quy chế có quy định trách nhiệm xin lỗi (bằng văn bản) cá nhân, tổ chức khi xảy ra sai sót trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả, trong đó đảm bảo 100% TTHC điều được thông qua cơ chế một cửa. Sở Nội vụ đã kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết công việc hành chính theo cơ chế một cửa tại Sở Nội vụ tại Quyết định số 303/QĐ-SNV ngày 06/8/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ. Chế độ phụ cấp của công chức Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 03/5/2015 của UBND tỉnh. Theo đó, bắt đầu từ tháng 03/2015, mỗi công chức ở Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở sẽ được hưởng phụ cấp là 300.000 đồng/tháng, thực hiện đồng phục theo quy định đồng phục cơ quan.

Đồng thời thực hiện cơ chế phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định Liên ngành số 01/QĐLN-SNV-VPUBNDT ngày 08/8/2017 trong giải quyết thủ tục hành chính giữa Sở Nội vụ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ, TTHC được thực hiện theo quy trình quy định tại Quyết định số 09/QĐ-SNV ngày 13/01/2017 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Sở Nội vụ.

Hiện nay, tại Sở Nội vụ có 07/84 thủ tục hành chính thuộc 02 lĩnh vực: công chức viên chức (05 TT) và văn thư - lưu trữ Nhà nước (02 TT) có thực hiện việc thu phí, lệ phí đầy đủ và đúng quy định của Bộ Tài chính. Tại Sở thực hiện việc thu phí, lệ phí thi tuyển công chức theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức đối với thủ tục thi nâng ngạch công chức thuộc lĩnh vực Công chức, viên chức và Thông tư số 275/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng tài liệu lưu trữ đối với thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc và thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ. Khi thu tiền Sở Nội vụ đều cấp biên lai thu tiền phí cho người nộp tiền (biên lai này được mua từ Cục thuế tỉnh) và thực hiện việc quyết toán biên thu theo quy định của nhà nước. Theo đó, thí sinh khi nộp tiền lệ phí dự thi nâng ngạch sẽ được cấp cho 01 biên lai thu lệ phí dự thi, 01 biên lai sẽ nộp trả cho Cục Thuế tỉnh và 01 biên lai sẽ được Sở Nội vụ lưu trữ theo đúng quy định. Tiền thu lệ phí đều được Sở Nội vụ lập thủ tục nộp vào ngân sách nhà nước và lập dự toán thu chi trình UBND tỉnh phê duyệt; việc quản lý và sử dụng thu chi tài chính được thực hiện đúng chế độ tài chính hiện hành và báo cáo quyết toán tài chính theo đúng quy định. Hồ sơ giải quyết TTHC có thu phí, lệ phí được quản lý tại phòng chuyên môn nên việc kiểm tra, theo dõi, quản lý hoặc tra cứu sẽ do phòng chuyên môn thực hiện. Việc thu phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí được Sở Nội vụ thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được Sở Nội vụ thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, công chức bộ phận một cửa thực hiện việc kiểm tra thành phần hồ sơ theo quy định đối với từng thủ tục, đối với nội dung của thành phần hồ sơ, nếu phát hiện chưa rõ ràng, chưa đảm bảo sẽ hướng dẫn cá nhân, tổ chức liên hệ phòng chuyên môn, nghiệp vụ để được hướng dẫn, hạn chế đến mức thấp nhất việc đề nghị bổ sung hồ sơ quá 01 lần cho một giao dịch hành chính, tránh trường hợp đề cá nhân, tổ chức đi lại nhiều lần, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không thực hiện đúng hướng dẫn của công chức bộ phận một cửa cũng như của phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Việc thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản được Sở Nội vụ thực hiện đúng quy định của pháp luật. Trong kỳ báo cáo, việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính chưa phát sinh sai sót trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả quá hạn.

Số lượng, tỉ lệ TTHC được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

STT	Tên đơn vị	Số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa			
		Theo quy định		Đang thực hiện	Tỷ lệ % số TTHC đang thực hiện
		Sở Nội vụ	Thanh tra tỉnh		
1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Nội vụ	82	10	92	100%
2	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Chi cục Văn thư lưu trữ trực thuộc Sở Nội vụ	02	-	02	
Tổng cộng: 94 TTHC					

Tính đến niên độ báo cáo, diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả như sau:

- Diện tích tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở là 46,24 m²;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả gồm có: máy vi tính, máy photocopy, máy fax, máy scan, máy in, điện thoại cố định, ghế ngồi, bàn làm việc, máy điều hòa nhiệt độ và các trang thiết bị cần thiết khác.

Nhìn chung cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tương đối đảm bảo theo quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 9 Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Sở Nội vụ có 01/03 đơn vị trực thuộc (Chi cục Văn thư lưu trữ) có thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Việc triển khai cơ chế một cửa gắn liền với việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải cách phương thức làm việc, từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả hoạt động, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi đến giao dịch với Sở Nội vụ, giảm được tình trạng cá nhân, tổ chức phải đi lại nhiều lần để giải quyết công việc hành chính. Cùng với sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị, sự phối hợp của các phòng, ban, chi cục cũng như sự đồng lòng, chung sức của đội ngũ công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và phòng chuyên môn, các hoạt động giải quyết TTHC của Sở dần đi vào quỹ đạo, ổn định, mang lại hiệu quả thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình giải quyết công việc của cơ quan.

Duy trì việc trả kết quả hồ sơ hành chính đối với tổ chức, cá nhân. Thông qua hình thức chuyển phát bằng đường bưu điện (trừ trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu nhận trực tiếp).

Cơ chế một cửa đã góp phần làm thay đổi một bước mối quan hệ giữa chính quyền và người dân, tổ chức theo hướng hành chính phục vụ. Thông qua đó, tạo

điều kiện để chính quyền được gần dân hơn, chống tệ quan liêu, hách dịch, cửa quyền trong đội ngũ công chức, viên chức.

Việc triển khai cơ chế một cửa gắn liền với đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải cách phương thức làm việc, từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả hoạt động, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi đến giao dịch với Sở Nội vụ, giảm được tình trạng cá nhân, tổ chức phải đi lại nhiều lần để giải quyết công việc.

3.8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác

Quán triệt tinh thần Quyết định số 114/2006/CT-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước; trên cơ sở Quyết định¹ quy định quy chế làm việc của UBND tỉnh. Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định² quy định quy chế làm việc của Sở Nội vụ, trong đó quy định nội dung chế độ họp, hội nghị tại cơ quan. Quy trình tổ chức các cuộc họp, hội nghị được Sở Nội vụ thực hiện đúng quy định. Từ khâu xây dựng kế hoạch tổ chức các cuộc họp, chuẩn bị nội dung, giấy mời họp, thành phần và số lượng người tham dự họp, phân công người chủ trì cuộc họp, đến sản phẩm của cuộc họp (biên bản hoặc thông báo) kết quả cuộc họp.

III. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính trong thời gian tới, Sở Nội vụ đề ra phương hướng, nhiệm vụ như sau:

1. Tiếp tục quán triệt các quan điểm của Đảng, nhà nước về công tác cải cách hành chính cho đội ngũ công chức, viên chức.

2. Tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các nội dung chưa đạt trong Kế hoạch CCHC năm 2018 để hoàn thành nhiệm vụ đúng quy định;

3. Tiếp tục theo dõi kết quả thực hiện đối với Kế hoạch số 24/KH-SNV ngày 21/10/2015 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc triển khai Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các văn bản hướng dẫn, các kế hoạch về công tác cải cách hành chính tại đơn vị.

5. Theo dõi việc niêm yết, áp dụng 84 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ và 10 TTHC thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử Sở Nội vụ và trên Trang một cửa điện tử Sở Nội vụ.

¹ Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh quy định quy chế làm việc của UBND tỉnh.

² Quyết định số 15/QĐ-SNV ngày 02/02/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ quy định quy chế làm việc của Sở Nội vụ; Quyết định số 49/QĐ-SNV ngày 15/3/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ về sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 4 của Quyết định số 15/QĐ-SNV ngày 02/02/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ quy định quy chế làm việc của Sở Nội vụ.

6. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh đề bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ những văn bản hết hiệu lực thuộc lĩnh vực Nội vụ.

7. Tiếp nhận các trường hợp phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công chức, viên chức trong thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan;

8. Theo dõi tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 09/QĐ-SNV ngày 13/01/2017 của Giám đốc Sở Nội vụ quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại cơ quan; tình hình thực hiện Quy chế chỉ tiêu nội bộ;

9. Tiếp tục tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin, kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố công nghệ.

10. Cập nhật, sửa đổi các thông tin trên Trang thông tin một cửa điện tử Sở Nội vụ theo quy định.

11. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ công chức, viên chức.

12. Thực hiện tốt công tác quản lý biên chế và tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7, khóa XI và Đề án tinh giản biên chế; thực hiện việc tuyển dụng, thi tuyển, xét tuyển, nâng ngạch và quản lý công chức, viên chức theo đúng quy định và thực hiện Đề án sắp xếp đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Nội vụ theo Đề án số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Tỉnh ủy.

13. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 tại Sở Nội vụ.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (P.CCHC);

- Lưu: VT, *VT*.

Danh mục báo cáo Cải cách hành chính năm 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163 /BC-SNV ngày 19 /11/2018)



Nhiệm vụ chung	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
Cải cách thể chế	1. Xây dựng kế hoạch rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Theo quy định	Đã xây dựng kế hoạch Đã thực hiện báo cáo
	2. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Công văn đăng ký. Quyết định, Nghị quyết	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Văn phòng	Năm 2018	Đã thực hiện và tham mưu
	3. Thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực ngành Nội vụ	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Năm 2018	Đã xây dựng kế hoạch Đã thực hiện báo cáo
Cải cách thủ tục hành chính	1. Xây dựng kế hoạch kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính năm 2018	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	- Tháng 01 năm 2018 - Tháng 12 năm 2018	Đã xây dựng kế hoạch Đã thực hiện báo cáo
	2. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015	Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Tháng 12 năm 2018	Đã báo cáo lồng ghép vào các báo cáo CCHC



	của Thủ tướng Chính phủ					
	3. Rà soát quy chế phối hợp thực hiện cơ chế một cửa giữa Sở Nội vụ và Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định Liên ngành của UBND tỉnh	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2018	Tính đến thời điểm báo cáo, quy chế phối hợp được duy trì áp dụng
Cải cách tổ chức bộ máy	1. Sắp xếp tổ chức và ban hành chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Sở Nội vụ theo quy định của Chính phủ	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng Sở		Năm 2018	Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định 08/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018
	2. Rà soát và đánh giá hiệu quả hoạt động các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh để kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Báo cáo	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở; Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2018	Sở Nội vụ chủ trì (tinh)
Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức tại Sở Nội vụ	- Kế hoạch - Báo cáo	Văn phòng Sở		Năm 2018	Đã xây dựng kế hoạch Đã thực hiện báo cáo lồng ghép vào BC CCHC
	2. Tiếp tục triển khai đánh giá và phân loại công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP và Nghị định số	Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Tháng 12/2018	Chưa đến thời điểm đánh giá

	88/2017/NĐ-CP của Chính phủ					
Cải cách tài chính công	1. Tiếp tục thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 130/2005/NĐ-CP	Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở		Năm 2018	Đã thực hiện báo cáo lồng ghép vào BC CCHC
	2. Triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi cục Văn thư lưu trữ	Văn phòng Sở	Năm 2018	
Hiện đại hóa nền hành chính	1. Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Nội vụ năm 2018	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở		Năm 2018	Đã ban hành Kế hoạch Đã thực hiện BC lồng ghép BC CCHC
	2. Đưa vào áp dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tại	Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Năm 2018	Đã đưa vào áp dụng Đã thực hiện BC lồng



	Sở Nội vụ					ghép BC CCHC
	3. Theo dõi việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với thủ tục hành chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Năm 2018	Đã theo dõi Đã thực hiện BC lồng ghép BC CCHC
	4. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị định kỳ 01 lần/năm	- Kế hoạch kiểm tra - Báo cáo kết quả kiểm tra	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Năm 2018	Đã ban hành Kế hoạch Đã thực hiện Báo cáo
Công tác chỉ đạo điều hành	1. Xây dựng kế hoạch cải cách hành chính năm 2018	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở		Năm 2018	Đã ban hành Kế hoạch Đã thực hiện Báo cáo (quý I, 6 tháng và quý III)
	2. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Năm 2018	Đã ban hành Kế hoạch Đã thực hiện Báo cáo lồng ghép BC CCHC (quý I, 6 tháng và quý III)
	3. Kiểm tra cải cách hành chính năm 2018	- Kế hoạch - Báo cáo kết quả thực hiện	Văn phòng Sở	Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Năm 2018	Đã ban hành Kế hoạch Đã thực hiện Báo cáo lồng ghép BC CCHC (quý I, 6 tháng và quý III)
	4. Cử công	Danh sách	Văn	Các đơn vị	Năm	Đã thực hiện

	chức, viên chức tham gia tập huấn kỹ năng dành cho công chức chuyên trách cải cách hành chính và công chức làm việc tại Bộ phận	trích ngang	phòng Sở	thuộc và trực thuộc Sở	2018	
--	---	----------------	----------	------------------------------	------	--





BÁO CÁO THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

TT	Chức danh	Tổng số	Trong đó				Trình độ hiện có														Đạt chuẩn (công chức theo Thông tư 06; cán bộ theo QĐ 04)	Tỷ lệ đạt chuẩn
							Học vấn				Chuyên môn					Lý luận chính trị						
			Nữ	Dân tộc Hoa	Dân tộc Khmer	Dân tộc ít người khác	Tiểu học	THCS	THPT	TNC3	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
I	Cán bộ	1.152	246	31	114	0	0	14	3	1.135	130	7	308	7	685	15	23	39	836	254	1.010	87,67
1	Cán bộ chủ chốt	612	92	20	57	0				612	24	0	97	1	475	15	8	5	379	220	575	93,95
2	Mặt trận tổ quốc và các Đoàn thể	540	154	11	57	0		14	3	523	106	7	211	6	210	0	15	34	457	34	435	80,56
II	Công chức	1.196	335	40	103	0		0	1	1.195	16	1	381	25	770	3	214	134	825	23	1178	98,49
Tổng cộng (I+ II)		2.348	581	71	217	0	0	14	4	2.330	146	8	689	32	1.455	18	237	173	####	277	2188	93,19

Biểu mẫu 1A

Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163 /BC-SNV ngày 19 /11/2018 của Sở Nội vụ)



STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Sở, ngành	UBND cấp huyện/xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC					
2	Kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị	02	15	62	47	0
3	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước					
4	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008					
5	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính					
6	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)					

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.



Biểu mẫu 1B

Thông kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính sở, ban ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung thống kê ¹	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc/UBND cấp xã			
1	Kiểm tra công tác CCHC	05		12	12	0
2	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015	08				0
3	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật	Được thực hiện lồng ghép với công tác kiểm tra CCHC.				
4	Kiểm tra tình hình thực hiện CT 26/CT-TTg, CT 10/CT-UBND					
5	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước					

Ghi chú: Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015 chưa có số liệu báo cáo do thực hiện việc đánh giá nội bộ cuối tháng 11/2018

¹ Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.



Biểu mẫu 2B

Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung thông kê	Tổng số	Ghi chú
1	<i>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</i>		
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	06	Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh ST; Quyết định số .08/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ kèm theo Quyết định 14/2015/QĐ-UBND ngày 06/4/2015; Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh về Bãi bỏ Điểm d Khoản 1 Điều 10 của Quy định phân cấp quản lý CBCCVV trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND về việc bãi bỏ Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND



			ngày 10/7/2009 về việc ban hành Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghi việc đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh về Bãi bỏ Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND tỉnh về ban hành Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghi việc đối với CBCC xã phường thị trấn trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	06	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	06	
2	<i>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</i>		
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	0	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	0	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	0	
3	<i>Rà soát VBQPPL</i>		
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	34	Tổng số văn bản
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	08	- Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND

			<p>ngày 21/01/2014 của UBND tỉnh về ban hành phân cấp quản lý tổ chức, biên chế công chức, số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng</p>
			<p>- Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng ban hành kèm theo Quyết định 14/2015/QĐ-UBND ngày 06/4/2015</p>
			<p>- Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh ST;</p>
			<p>- Nghị quyết số 08/2009/NQ-HĐND ngày 10/7/2009 ban hành Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghị việc đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.</p>
			<p>- Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 ban hành Đề án chuẩn</p>



			<p>hóa và hỗ trợ nghi việc đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng + - Nghị quyết số 03/2011/NQ-HĐND ngày 06/7/2012 Quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng + - Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 25/9/2012 Quy định về chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	06	<p>Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức, biên chế trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ trong nước trên địa bàn tỉnh ST; Quyết định số .08/2018/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 Quy định chức</p>

			năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ kèm theo Quyết định 14/2015/QĐ-UBND ngày 06/4/2015; Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh về Bãi bỏ Điểm d Khoản 1 Điều 10 của Quy định phân cấp quản lý CBCCVC trên địa bàn tỉnh, ban hành kèm theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND về việc bãi bỏ Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 về việc ban hành Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghi việc đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh về Bãi bỏ Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND tỉnh về ban hành Đề án chuẩn hóa và hỗ trợ nghi việc đối với CBCC xã phường thị trấn trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh về Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	0	Nêu rõ số lượng trên tổng số văn bản cần xử lý





Biểu mẫu 3B
Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại Sở Nội vụ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 03/KH-SNV ngày 03/01/2018 của giám đốc Sở Nội vụ về rà soát, đánh giá TTHC.
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC ¹	94	- 84 TTHC: thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ. - 10 TTHC: thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh.
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử ²	84	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

¹ UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

² UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

Biểu mẫu 4B



**Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)**

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Nội vụ			
I	Lĩnh vực Tôn giáo (35 thủ tục)	X	X	Quyết định 579/QĐ-UBND ngày 13/3/2018
1	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong tỉnh	X	X	
2	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong tỉnh	X	X	
3	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong tỉnh	X	X	
4	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc là người chưa được xóa án tích	X	X	
5	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	X	X	
6	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh	X	X	
7	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh	X	X	
8	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoạt động trên địa bàn tỉnh	X	X	



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
9	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh	X	X	
10	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	X	X	
11	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong tỉnh	X	X	
12	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong tỉnh theo quy định của hiến chương	X	X	
13	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong tỉnh theo quy định hiến chương của tổ chức	X	X	
14	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong tỉnh theo quy định hiến chương của tổ chức	X	X	
15	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP	X	X	
16	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động trong tỉnh	X	X	
17	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	
18	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
19	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	
20	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động trong tỉnh	X	X	
21	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	
22	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động trong tỉnh	X	X	
23	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động trong tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	
24	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động trong tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	
25	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động trong tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	
26	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	X	X	



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
27	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 và Khoản 2 Điều 34 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	X	X	
28	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có phạm vi hoạt động trong tỉnh	X	X	
29	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	X	X	
30	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc tỉnh	X	X	
31	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc tỉnh	X	X	
32	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc tỉnh	X	X	
33	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc tỉnh	X	X	
34	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	X	X	
35	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	X	X	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
II	Lĩnh vực Công chức, viên chức (10 thủ tục)			
1	Thủ tục thi tuyển viên chức	X	X	Quyết định 120/QĐ-UBND ngày 14/01/2016
2	Thủ tục xét tuyển viên chức	X	X	
3	Thủ tục thi tuyển công chức	X	X	Quyết định 125/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 và Quyết định 941/QĐ-UBND ngày 26/4/2017
4	Thủ tục xét tuyển công chức	X	X	Quyết định 125/QĐ-UBND ngày 14/01/2016
5	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức	X	X	
6	Thủ tục thi nâng ngạch công chức	X	X	
7	Thủ tục xét ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc khi được tuyển dụng	X	X	
8	Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên	X	X	
9	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức	X	X	
10	Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức	X	X	
III	Lĩnh vực Tổ chức biên chế (06 thủ tục)			
1	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	X	X	
2	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp	X	X	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
	công lập			
3	Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	X	X	
4	Thủ tục thành lập tổ chức hành chính	X	X	
5	Thủ tục tổ chức lại tổ chức hành chính	X	X	
6	Thủ tục giải thể tổ chức hành chính	X	X	
IV	Lĩnh vực Thanh tra (10 thủ tục)			
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	X	X	Quyết định 787/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh về công bố TTHC mới ban hành, TTHC sửa đổi bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	X	X	
3	Thủ tục giải quyết tố cáo	X	X	
4	Thủ tục tiếp công dân	X	X	
5	Thủ tục xử lý đơn	X	X	
6	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	X	X	Quyết định 786/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh về công bố TTHC mới ban hành, thuộc phạm vi chức năng quản lý của Thanh tra tỉnh
7	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	X	X	
8	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	X	X	
9	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	X	X	
10	Thủ tục thực hiện việc giải trình	X	X	
V	Lĩnh vực Tổ chức Phi chính phủ (17 thủ tục)			
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	X	X	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
2	Thủ tục thành lập hội	X	X	
3	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	X	X	
4	Thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội	X	X	
5	Thủ tục đổi tên hội	X	X	
6	Thủ tục hội tự giải thể	X	X	
7	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	X	X	
8	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện	X	X	
9	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	X	X	
10	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	X	X	
11	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	X	X	
12	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	X	X	
13	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	X	X	
14	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	X	X	
15	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	X	X	



STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
16	Thủ tục đổi tên quỹ	X	X	
17	Thủ tục quỹ tự giải thể	X	X	
VI	Lĩnh vực Công tác thanh niên (03 thủ tục)			Quyết định 2883/QĐ-UBND ngày 16/12/2015
1	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở tỉnh	X	X	
2	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở tỉnh	X	X	
3	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở tỉnh	X	X	
VII	Lĩnh vực Chính quyền địa phương (01 thủ tục)			Quyết định 2882/QĐ-UBND ngày 16/12/2015
1	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố mới	X	X	
VIII	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng (09 thủ tục)			Quyết định 2669/QĐ-UBND ngày 11/10/2018
1	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	X	X	
2	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	X	X	
3	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh	X	X	
4	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	X	X	
5	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	X	X	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Ghi chú
6	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề	X	X	
7	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thành tích đợt xuất	X	X	
8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho gia đình	X	X	
9	Thủ tục Tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thành tích đối ngoại			
IX	Lĩnh vực Văn thư Lưu trữ (03 thủ tục)			Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 104/12/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng
1	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc	x	x	
2	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ	x	x	
3	Thủ tục cấp, cấp lại, bổ sung lĩnh vực hành nghề của chứng chỉ hành nghề lưu trữ	x	x	



Biểu mẫu 5B

Thống kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp tại Sở Nội vụ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trà đúng hạn	Trà quá hạn ¹	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn ²	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
1	Lĩnh vực Chính quyền địa phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Công chức, viên chức	3	0	3	2	2	1	0	0	0	
3	Lĩnh vực Công tác thanh niên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Tổ chức biên chế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Tổ chức biên chế (đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp hành chính)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

¹ Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

² Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng	275	0	275	272	262	10	3	3	0	
6	Lĩnh vực Tôn giáo	18	0	18	18	18	0	0	0	0	
7	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ	8	0	8	8	6	2	0	0	0	
8	Lĩnh vực Văn thư, lưu trữ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng số = (I) + (II)		304	0	304	301	288	13	3	3	0	

Ghi chú: Việc giải quyết hồ sơ trễ hạn năm 2018 là 13 hồ sơ. Hồ sơ này thực tế không trễ hạn mà do công chức thực hiện quên xử lý trên phần mềm một cửa.



Biểu mẫu 6A

Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163 /BC-SNV ngày 19 /11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình giảm biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước ¹	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ²		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ³		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giảm	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ⁴			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ⁵					
I	Các cơ quan tỉnh	123	0	101	0	16	0	680	0	Do không đề nghị đơn vị báo cáo nên không có số liệu	Do không đề nghị đơn vị báo cáo nên không có số liệu	1003	0	33	33	
II	UBND cấp	141	0	34	0	34	0	1080	0	Do	Do	995	0	132	132	



¹ Nêu lý do tăng, giảm (do sắp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

² Thống kê tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

³ Thống kê tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

⁴ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

⁵ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

<i>huyện</i>										không đề nghị đơn vị báo cáo nên không có số liệu	không đề nghị đơn vị báo cáo nên không có số liệu						
Tổng số = (I) + (II)	265	0	135	0	0	0	0	1760	0	0	0	1998	0	165	165		



Biểu mẫu 6B

**Thông kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Sở Nội vụ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)**



STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc ¹		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ²		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại ³		Tổng số	Tăng (+) /giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giản	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ⁴			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn ⁵					
I	Sở Nội vụ	08	-1: do sắp xếp cơ cấu tổ chức	04	Không thay đổi	4+		02	+02	02		09	+ 10 -01	01	01	
Tổng số = (I) + (II) + (III)																

Ghi chú: Số lượng biên chế hành chính tăng 09 biên chế so với kỳ báo cáo năm 2017 do nhận thêm công chức trúng tuyển kỳ thi tuyển 07 công chức); điều động từ huyện về 03 công chức và có 01 công chức nghỉ hưu năm 2018

¹ Nêu lý do tăng, giảm (do sắp xếp, thành lập mới, giải thể,...)

² Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

³ Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại

⁴ Nêu rõ thiếu chuẩn nào

⁵ Nêu rõ thiếu chuẩn nào



Biểu mẫu 7A

Thông kê số liệu về CBCCVC trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Báo cáo 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL ⁶	Số lượng ⁷ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CBCCVC ⁸	Năng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo ⁹	Bồi dưỡng nghiệp vụ ¹⁰	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ¹¹	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ¹²		TX ¹³	TH ¹⁴
1	Các cơ quan tỉnh	8.178	0	1003	Thạc sĩ 25 CC, VC, Đại	Sở Nội vụ tổ chức bồi dưỡng	Chưa có Kế hoạch	35	23	06 đơn vị cấp Sở ngành	189 chỉ tiêu	2	0	0	8	8	95

⁶ Thông kê chi tiết tỷ lệ đạt chuẩn của từng huyện, thị xã, thành phố

⁷ Thông kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

⁸ Thông kê chi tiết tại đây

⁹ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

¹⁰ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

¹¹ Thông kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

¹² Thông kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

¹³ Thường xuyên

¹⁴ Trước hạn

					học liên thôn g 06 viên chức	cho: 618 lượt CB,CC ,VC.D Hiện nay số liệu bồi dưỡng theo Kế hoạch tại Quyết định số 964/Q Đ- UBND ngày 20/4/20 18, các đơn vị sẽ thực hiện báo cáo trong tháng 12											
II	UBND cấp huyện	15.587	0	995	0	606 CB,CC ,VC tham gia bồi dưỡng do Sở	Chưa có Kế hoạch	180	96	11 đơn vị cấp huyện:	Hiện nay đã thực hiện tuyển dụng 134 chi	4	Không có	Không có	32	225	774



						Nội vụ tổ chức					tiêu, còn lại 04 đơn vị cấp huyện chưa công bố kết quả trúng tuyển						
--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--





Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về CBCCVC tại Sở Nội vụ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVC hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng ¹ CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVC		Điều động, chuyển công tác CB CC VC ²	Năng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo ³	Bồi dưỡng nghiệp vụ ⁴	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng ⁵	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên ⁶		TX ⁷	TH ⁸
I	Các cơ quan tỉnh	64	0	64	01	57	Có	02	02	Có	07	0	0	0	01	10	05
II	UBND cấp huyện																
III	UBND cấp xã ⁹																

¹ Thông kê số lượng, không thông kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

² Thông kê chi tiết tại đây

³ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

⁴ Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVC tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

⁵ Thông kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

⁶ Thông kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVC bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

⁷ Thường xuyên

⁸ Trước hạn

⁹ UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biểu mẫu 8A

Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 16³ /BC-SNV ngày 09 /11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã được phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	31/31	Sở ban ngành tỉnh, và UBND huyện, thị xã, thành phố
2	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	31/31	Sở ban ngành tỉnh, và UBND huyện, thị xã, thành phố
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	674	Các đơn vị sự nghiệp các cấp
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã được phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	674	Các đơn vị sự nghiệp các cấp
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	477	Còn 197 đơn vị sự nghiệp chưa hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm



Biểu mẫu 8B

Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ tại Sở Nội vụ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	01	
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	



Biểu mẫu 9B

Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại sở ngành, UBND cấp huyện
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	02	Không thay đổi	Ghi rõ số đơn vị đã triển khai/tổng số đơn vị
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	01	Không thay đổi	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên			
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên			



Biểu mẫu 10B

Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 63/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				Ghi chú
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính	
I	Sở Nội vụ	4.621	4.621	4.621	9.242	83	104	84	20	0	0	0	0	
	Tổng	4.621	4.621	4.621	9.242	83	104	84	20	0	0	0	0	



Biểu mẫu 11B

Thông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại các đơn vị, địa phương
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Cơ quan cấp tỉnh</i>	104	0		
<i>II</i>	<i>UBND cấp huyện</i>				
<i>III</i>	<i>UBND cấp xã¹</i>				
Tổng (I) + (II) + (III)					

¹ UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 13B

Thống kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại sở, ngành. UBND cấp huyện
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 163/BC-SNV ngày 19/11/2018 của Sở Nội vụ)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống		
1	Số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO		
2	Số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định trong ISO		
II	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	Quyết định số 327/QĐ-SNV ngày 06/8/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	Kế hoạch số 07/KH-SNV ngày 15/01/2018 của Giám đốc Sở Nội vụ
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	Biên bản số 27/BB-SNV ngày 29/6/2018 của Sở Nội vụ
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống	Có	

	quản lý chất lượng		
5	Nội dung khác		